

DANH SÁCH THU TIỀN

Đợt 1 tháng 11/2025 - Lớp: C 3

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
1	NAN011901096	Nguyễn Cao Linh Đan		1	110.000	15		300.000	16		86.400	496.400			496.400	
2	NAN011901097	Bùi Thị Ngọc Diệp		1	110.000	8		160.000				270.000			270.000	
3	NAN011901098	Nguyễn Văn Dương		1	110.000	12		240.000	12		64.800	414.800			414.800	
4	NAN011901099	Nguyễn Thị Ngọc Hà		1	110.000	15		300.000	16		86.400	496.400			496.400	
5	NAN011901100	Nguyễn Minh Hiếu		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
6	NAN011901101	Nguyễn Gia Hưng		1	110.000	16		320.000				430.000			430.000	
7	NAN011901102	Nguyễn Hữu Huy		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
8	NAN011901103	Vũ Quang Khải		1	110.000	15		300.000	14		75.600	485.600			485.600	
9	NAN011901104	Nguyễn Đức Bảo Khang		1	110.000	16		320.000				430.000			430.000	
10	NAN011901105	Nguyễn Duy Bảo Khang		1	110.000	14		280.000	14		75.600	465.600			465.600	
11	NAN011901106	Nguyễn Duy Bảo Khang		1	110.000	17		340.000	15		81.000	531.000			531.000	
12	NAN011901107	Nguyễn Khánh Linh		1	110.000	16		320.000	16		86.400	516.400			516.400	
13	NAN011901108	Nguyễn Phi Lộc		1	110.000	17		340.000				450.000			450.000	
14	NAN011901109	Trần Hữu Long		1	110.000	17		340.000	14		75.600	525.600			525.600	
15	NAN011901110	Trương Thị Khánh Ly		1	110.000	17		340.000	16		54.000	504.000			504.000	
16	NAN011901111	Trần Quang Minh		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
17	NAN011901112	Lê Gia Minh		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
18	NAN011901113	Nguyễn Bảo Ngọc		1	110.000	12		240.000	10		54.000	404.000			404.000	
19	NAN011901114	Nguyễn Hoàng Nhân		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
20	NAN011901115	Nguyễn Ngọc Phát		1	110.000	15		300.000	16		86.400	496.400			496.400	
21	NAN011901116	Trần Trường Thành		1	110.000	13		260.000				370.000			370.000	
22	NAN011901117	Trương Hạo Thiên		1	110.000	15		300.000				410.000			410.000	
23	NAN011901118	Ngô Thị Bảo Trâm		1	110.000	17		340.000	15		81.000	531.000			531.000	
24	NAN011901119	Nguyễn Văn Tư		1	110.000	9		180.000	11		59.400	349.400			349.400	
25	NAN011901120	Trương Thị Bảo Vy		1	110.000	17		340.000				450.000			450.000	
Tổng cộng				25	2.750.000	378		7.560.000	265		1.398.600	11.708.600			11.708.600	

Bằng chữ:

....., Ngày tháng năm

Ban Giám Hiệu

Người lập biểu